

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-CNTT

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

V/v giao nhiệm vụ thực hiện
duy trì, cải thiện và nâng cao
chỉ số đánh giá Chuyển đổi
số tỉnh Thanh Hóa hằng năm

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Báo Thanh Hóa, Đài PTTH tỉnh;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh;
- Các doanh nghiệp: Bưu điện tỉnh; Bưu chính Viettel, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa.

Năm 2022, các cấp, các ngành đã quan tâm chỉ đạo, thực hiện công tác chuyển đổi số (CDS) trên địa bàn tỉnh, bước đầu đã có những thay đổi tích cực; kết quả xếp hạng thứ 15 trên toàn quốc về CDS, một số chỉ tiêu thành phần đã có tăng trưởng như Nhận thức số (xếp thứ 1), Hoạt động xã hội số (xếp thứ 3), An toàn thông tin mạng (xếp thứ 6). Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ số còn xếp hạng thấp như: Thẻ chế số xếp thứ 15, Nhân lực số xếp thứ 16, Hoạt động chính quyền số xếp thứ 20, Hoạt động kinh tế số xếp thứ 21, Hạ tầng số xếp thứ 52,... (gửi kèm theo Báo cáo số 1831/BC-STTTT ngày 27/7/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về phân tích đánh giá kết quả CDS của tỉnh năm 2022).

Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu tại Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đến năm 2025 tỉnh Thanh Hóa nằm trong nhóm 10 và đến năm 2030 nằm trong nhóm 5 tỉnh, thành phố về CDS. Trên cơ sở các chỉ số đánh giá CDS cấp tỉnh được ban hành kèm theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá CDS của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị có liên quan tập trung triển khai các nhiệm vụ để duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá CDS của tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

I. Thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá CDS tỉnh Thanh Hóa hằng năm

1. Đối với Chỉ số “Nhận thức số”:

- Văn phòng UBND tỉnh thường xuyên tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban chỉ đạo CDS tỉnh ký các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo về CDS; tham mưu lịch làm việc phù hợp để Chủ tịch UBND tỉnh tham gia tất cả các phiên họp của Ủy ban quốc gia về CDS, chủ trì các cuộc họp về CDS của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện rà soát, bổ sung nhiệm vụ duy trì, cải thiện, nâng cao chỉ số CDS của tỉnh vào chương trình, kế hoạch CDS của các cơ quan, đơn vị.

- Chủ tịch UBND cấp huyện - Trưởng Ban chỉ đạo CDS cấp huyện chỉ đạo xây dựng chuyên trang về CDS trên trang thông tin điện tử (TTĐT); tổ chức chuyên mục riêng về CDS, tăng tần suất phát về CDS trên các hệ thống truyền thanh cơ sở ở địa phương ít nhất 01 lần/tuần.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa duy trì các chuyên trang, chuyên mục riêng về CDS; tăng tần suất phát các chương trình liên quan về CDS ít nhất 01 lần/tuần.

2. Đối với Chỉ số “Thể chế số”:

- Sở Thông tin và Truyền thông trên cơ sở quy định của Trung ương, nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các kế hoạch, chương trình, chính sách về CDS trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn phiên bản mới nhất về khung kiến trúc chính quyền điện tử, kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện rà soát, tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết chuyên đề, các Kế hoạch theo giai đoạn và hằng năm của tỉnh, của cơ quan, đơn vị về CDS; đảm bảo nguồn chi cho hoạt động CDS trong cơ quan, đơn vị.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí vốn cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và CDS trên địa bàn tỉnh từ nguồn tiết kiệm chi sự nghiệp trong dự toán ngân sách hằng năm theo đúng quy định hiện hành; tham mưu chính sách bố trí ngân sách đảm bảo chi hằng năm cho CDS của tỉnh.

3. Đối với Chỉ số “Hạ tầng số”:

- Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu lựa chọn các nền tảng dùng chung, các nền tảng số ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) theo khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông để triển khai có hiệu quả trên địa bàn tỉnh. Nghiên

cứu đề xuất nâng cấp, bổ sung trang thiết bị, công nghệ cho Trung tâm dữ liệu và an toàn thông tin (ATTT) mạng của tỉnh đáp ứng yêu cầu sử dụng công nghệ điện toán đám mây và kết nối với hệ thống điện toán đám mây của Chính phủ.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thúc đẩy sử dụng các nền tảng số, phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ CDS cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- UBND cấp huyện tăng cường công tác tuyên truyền đến người dân về ứng dụng, lợi ích khi sử dụng điện thoại thông minh; tăng tỷ lệ các hộ gia đình kết nối Internet băng thông rộng cáp quang.

- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh triển khai các giải pháp, sử dụng tối đa các nguồn lực để mở rộng vùng phục vụ điện thoại di động 4G/5G, hạ tầng mạng cáp quang băng thông rộng; có các chương trình khuyến khích các hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet băng thông rộng cáp quang.

4. Đối với Chỉ số “Nhân lực số”:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cơ chế, chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực CNTT, ATTT; thuê chuyên gia phục vụ CDS của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện chỉ đạo thành lập, kiện toàn các tổ chức, cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về CDS, ATTT mạng tại cơ quan, đơn vị trực thuộc.

- Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoặc tham mưu UBND tỉnh kế hoạch thúc đẩy tăng Tỷ lệ các cơ sở đào tạo cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện CDS (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở), đảm bảo tỷ lệ theo chương trình CDS của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- UBND cấp huyện, UBND cấp xã chỉ đạo hoạt động hiệu quả các Tổ công nghệ số cộng đồng đến thôn, xóm, tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn trên nền tảng đào tạo <https://onetouch.mic.gov.vn> theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; ưu tiên tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách về CDS, ATTT mạng; cử CBCCVC tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về CDS do tỉnh tổ chức, đồng thời hằng năm chủ động tổ chức các buổi tập huấn cho cán bộ ở địa phương (*ngoài các chương trình chung của tỉnh*); phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho công dân trên địa bàn.

5. Đối với Chỉ số “An toàn thông tin mạng”:

- Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện đầy đủ các bước, giải pháp trong việc giám sát ATTT mạng các hệ thống thông tin của tỉnh như đánh giá hệ thống thông tin hằng năm, kết nối báo cáo với hệ thống giám sát ATTT mạng quốc gia, theo dõi, giám sát ATTT ở các cơ quan, đơn vị, địa phương; tham mưu nâng cao chất lượng đội ứng cứu ATTT mạng của tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương rà soát triển khai quyết định ban hành cấp độ an toàn hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương đã được phê duyệt, bảo đảm các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt trong năm 2023; Đảm bảo 100% máy tính làm việc trong các cơ quan nhà nước ở các cơ quan, đơn vị phải cài đặt phần mềm phòng chống mã độc và được kết nối về Trung tâm giám sát ATTT mạng của tỉnh và của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đảm bảo ATTT mạng ở cơ quan, đơn vị và địa phương mình, không để xảy ra tình trạng mất ATTT mạng và nhiễm mã độc; kịp thời chỉ đạo tổ chức trực thuộc xử lý nhiễm mã độc theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí ngân sách thực hiện công tác đảm bảo ATTT mạng của tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Phần đầu mức chi cho ATTT mạng không dưới 10% tổng chi cho ứng dụng CNTT, CDS của tỉnh (*theo chỉ đạo tại Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam*).

6. Đối với Chỉ số “Hoạt động Chính quyền số”:

- Văn phòng UBND tỉnh:

+ Chủ trì tham mưu nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định có liên quan).

+ Tham mưu triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), các TTHC đủ điều kiện thực hiện toàn trình (mức độ 4) để tổng hợp trình UBND tỉnh công bố lại danh mục TTHC thực hiện toàn trình, góp phần tăng tỷ lệ DVC trực tuyến được tích hợp lên Cổng DVC quốc gia. Kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý người đứng đầu cơ quan chậm trễ, thiếu kiên quyết, thực hiện không đúng quy định trong giải quyết kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức về TTHC trực tuyến. Tăng tỷ lệ giải quyết TTHC trực tuyến, tăng mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng TTHC trực tuyến.

- Sở Thông tin và Truyền thông:

+ Quản lý, vận hành Cổng dữ liệu mở của tỉnh (open data) và kết nối với cổng dữ liệu mở quốc gia, tham mưu ban hành quy định chia sẻ dữ liệu cho

người dân và doanh nghiệp; triển khai đầy đủ và hiệu quả việc liên thông các dịch vụ dữ liệu từ LGSP qua NDXP để khai thác các CSDL của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương.

+ Chủ trì tham mưu rà soát, bổ sung, sử dụng các nền tảng gồm: nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung; nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước; nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước; nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp, công chức, viên chức.

- Các huyện, thị xã, thành phố phối hợp triển khai hệ thống hội nghị truyền hình đến cấp xã, tích hợp chung với hệ thống của tỉnh. Khuyến khích tăng cường sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình tổ chức họp trực tuyến từ cấp huyện tới cấp xã.

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; đẩy mạnh việc triển khai, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích theo chỉ đạo tại Công văn số 1669/BTTTT-BC ngày 09/5/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc đẩy mạnh triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công:

+ Chủ trì tham mưu nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định (Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các quy định có liên quan).

+ Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Giao Bưu điện tỉnh (*đơn vị được Chính phủ giao thực hiện dịch vụ Bưu chính công ích*) có giải pháp nhân sự, thiết bị,... phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích theo quy định.

7. Đối với Chỉ số “Hoạt động kinh tế số”:

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển doanh nghiệp số trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy và xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, tiếp cận và tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số (SMEdx).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách, ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh giải pháp tăng số lượng doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định tổng kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động kinh tế số hằng năm; tham mưu, báo cáo Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn về định mức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa CDS theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

- Cục thuế tỉnh có giải pháp thúc đẩy và xác định tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử hằng năm.

- Cục Thống kê tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xác định các chỉ số như tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tiếp tục có các chương trình, giải pháp tuyên truyền cho cộng đồng doanh nghiệp tỉnh nâng cao hiệu quả tham gia chương trình SMEdx, tích cực ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng hợp đồng điện tử trong các giao dịch thương mại...

- Bưu điện tỉnh, Chi nhánh bưu chính Viettel Thanh Hóa có giải pháp thúc đẩy nhanh việc giao dịch trên sàn thương mại điện tử như Vò sò và Postmart nhằm tăng tỷ lệ giao dịch trên sàn thương mại điện tử Vò sò và Postmart trên địa bàn tỉnh.

8. Đối với Chỉ số “Hoạt động xã hội số”:

- Văn phòng UBND tỉnh chủ trì nâng cấp, mở rộng Hệ thống tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân (phanhoi.thanhhoa.gov.vn) đến UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), nền tảng trợ lý ảo để nâng cao hiệu quả, chất lượng giải quyết phản ánh, kiến nghị, đáp ứng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Công an tỉnh chủ trì tiếp tục hỗ trợ người dân tạo danh tính số/tài khoản định danh điện tử trên hệ thống VNeID theo Đề án 06.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương thúc đẩy tuyên truyền, hướng dẫn người dân về kỹ năng số cho người dân thông qua các tổ công nghệ số cộng đồng ở cấp xã; tăng cường các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng; tuyên truyền người dân đăng ký, sử dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân trong sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng khác theo nhu cầu; phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai địa chỉ số đến các gia đình theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu bố trí nguồn kinh phí đầu tư, thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số.

- Các sở, ban, ngành và các địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc xử lý các vấn đề góp ý, thắc mắc của người dân có chất lượng, kịp thời tạo niềm tin cho người dân tham gia xây dựng chính quyền và giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng nhiều hơn.

- UBND cấp huyện phối hợp tăng cường các giải pháp tạo sự thuận lợi cho người dân tham gia giải quyết các vấn đề của địa phương trên nền tảng số, không gian mạng; tuyên truyền, vận động người dân tích cực sử dụng Căn cước công dân, số điện thoại chính chủ, tài khoản định danh điện tử... thực hiện dịch vụ công thông qua hình thức trực tuyến.

(có Phụ lục phân công thực hiện duy trì, cải thiện và nâng cao chỉ số đánh giá CDS tỉnh Thanh Hóa hằng năm kèm theo).

II. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cụ thể được giao tại mục I và phụ lục phân công kèm theo; căn cứ vào điểm số đạt được năm 2022 và điểm số tối đa để làm mốc duy trì, phấn đấu đạt điểm tối đa nhất; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về thông tin, số liệu, điểm số, kết quả thực hiện nhiệm vụ, định kỳ hằng quý (vào ngày 15 tháng cuối cùng của quý) báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông làm đầu mối, hằng năm theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông về cung cấp số liệu phục vụ đánh giá mức độ CDS theo Quyết định số 922/QĐ-BTTTT nêu trên; hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan phối hợp cung cấp thông tin, tổng hợp và báo cáo theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNTT, KSTTHC-NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN DUY TRÌ, CẢI THIỆN VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TỈNH THANH HÓA HÀNG NĂM.

(Kèm theo Công văn số: /UBND-CNTT ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. Thông tin chung

STT	Thông tin	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Tên Tỉnh, thành phố	Sở TT&TT	
2	Địa chỉ liên hệ chính thức	Sở TT&TT	
3	Địa chỉ trang/cổng thông tin điện tử (Website/Portal) chính thức	Sở TT&TT	
4	Số lượng dân số	Cục Thống kê	
5	Số lượng dân số trong độ tuổi lao động	Cục Thống kê	
6	Số lượng hộ gia đình	Cục Thống kê	
7	Số lượng huyện và tương đương	Cục Thống kê	
8	Số lượng xã và tương đương	Cục Thống kê	
9	Số lượng thôn, xóm và tương đương	Cục Thống kê	
10	Số lượng cơ quan/đơn vị thuộc, trực thuộc	Sở Nội vụ	
11	Số lượng công chức	Sở Nội vụ	
12	Số lượng viên chức	Sở Nội vụ	

13	Số lượng máy chủ vật lý	Sở TT&TT	
14	Số lượng máy trạm	Sở TT&TT	
15	Số lượng hệ thống thông tin	Sở TT&TT	
16	Số lượng doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
17	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
18	Số lượng điểm phục vụ bưu chính	Sở TT&TT	Bưu điện tỉnh
19	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho CDS	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư
20	Số lượng thủ tục hành chính	VP UBND tỉnh	Trung tâm Phục vụ HCC

II. Các chỉ số đánh giá

1. Chỉ số “Nhận thức số”

1	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (100)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.1	Người đứng đầu Tỉnh là Trưởng ban Ban chỉ đạo CDS của Tỉnh	10	10	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT
1.2	Người đứng đầu Tỉnh chủ trì, chỉ đạo CDS	10	10	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT
1.3	Văn bản chỉ đạo chuyên đề về CDS do người đứng đầu Tỉnh (Chủ tịch UBND tỉnh) ký	10	10	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT

1.4	Có chuyên trang cấp tỉnh về CDS	10	10	Sở TT&TT	
1.5	Cổng thông tin điện tử của Tỉnh có chuyên mục riêng về CDS	10	10	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT
1.6	Cơ quan báo chí của Tỉnh có chuyên mục riêng về CDS	10	10	Báo Thanh Hóa	Sở TT&TT
1.7	Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh có chuyên mục riêng về CDS	10	10	Đài PTTH tỉnh	Sở TT&TT
1.8	Tần suất Đài Phát thanh truyền hình của Tỉnh phát sóng chuyên mục riêng về CDS	10	10	Đài PTTH tỉnh	Sở TT&TT
1.9	Hệ thống truyền thanh cơ sở có chuyên mục riêng về CDS	10	10	UBND cấp huyện	Sở TT&TT
1.10	Tần suất hệ thống truyền thanh cơ sở phát sóng chuyên mục riêng về CDS	10	10	UBND cấp huyện	Sở TT&TT

2. Chỉ số “Thể chế số”

2	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (80,00)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.1	Nghị quyết chuyên đề của cấp ủy về CDS	5	5	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
2.2	Kế hoạch hành động 5 năm của Tỉnh về CDS	5	5	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
2.3	Kế hoạch hành động hằng năm của Tỉnh, thành phố về CDS	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh

2.4	Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản mới nhất theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
2.5	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt và giám sát tuân thủ kiến trúc Chính quyền điện tử của Tỉnh, thành phố	10	10	Sở TT&TT	Các sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện
2.6	Ban hành văn bản định kỳ hằng năm nhắc nhở, chấn chỉnh quản lý chi cho CDS	10	10	Sở Tài chính	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
2.7	Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng, tập huấn định kỳ hằng năm phổ biến, quán triệt công tác chi cho CDS	10	10	Sở Tài chính	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
2.8	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho CDS	10	0	Sở Tài chính	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
2.9	Ban hành chính sách thuê chuyên gia CDS	10	0	Sở TT&TT	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, VP UBND tỉnh
2.10	Ban hành chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)	10	10	VP UBND tỉnh	Sở TT&TT, Trung tâm Phục vụ HCC
2.11	Ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa CDS	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

3. Chỉ số “Hạ tầng số”

3	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (51,77)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
3.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	10	6,71	Cục Thống kê	Sở TT&TT, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa
3.2	Tỷ lệ hộ gia đình có người có điện thoại thông minh	10	8,03	Cục Thống kê	Sở TT&TT, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa
3.3	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	10	6,32	Cục Thống kê	Sở TT&TT, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa
3.4	Tỷ lệ UBND cấp xã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng	10	10	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
3.5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ CDS theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.	15	15	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
	3.5.1 Triển khai 3.5.2 Kết nối Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ	15	0		
3.6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	20	5,71	Sở TT&TT	Các sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện
3.7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong nền tảng số	10	0	Sở TT&TT	Các sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa

4. Chỉ số “Nhân lực số”

4	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (65,84)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.1	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức xã	10	10	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
4.2	Tổ công nghệ số cộng đồng đến mức thôn, xóm	10	10	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
4.3	Sở Thông tin và Truyền thông có chức năng, nhiệm vụ về CDS	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ
4.4	Sở Thông tin và Truyền thông có bộ phận/đơn vị thực hiện nhiệm vụ về CDS	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ
4.5	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về CDS	10	0,15	Sở TT&TT	Các sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện
4.6	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về ATTT mạng	10	0,08	Sở TT&TT	Các sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện
4.7	Tỷ lệ công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về CDS	10	0,22	Sở TT&TT	Các sở ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện
4.8	Tỷ lệ cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học có đào tạo về CDS	5	5	Sở Giáo dục và Đào tạo (đại học, sau đại học) Sở Lao động, TB&XH (cao đẳng)	Các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học
4.9	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về CDS	5	5	Sở Giáo dục và Đào tạo (đại học, sau đại học) Sở Lao động, TB&XH	Các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học

				(cao đẳng)	
4.10	Tỷ lệ người lao động được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số	5	5	Sở TT&TT	Sở Lao động, TBXH
4.11	Số lượng người dân được phổ cập kỹ năng số cơ bản trên nền tảng OneTouch	5	0,39	Sở TT&TT	UBND cấp huyện
4.12	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở)	5	5	Sở Giáo dục và Đào tạo (đại học, sau đại học) Sở Lao động, TB&XH (cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp)	Các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, sau đại học
4.13	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông thực hiện chuyển đổi số (hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở).	5	5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục

5. Chỉ số “An toàn thông tin mạng”

5	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (100)	Điểm năm 2022 (60,79)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	10	10	Sở TT&TT	

5.2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	10	5,83	Sở TT&TT	
5.3	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	10	2,78	Sở TT&TT	
5.4	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	10	1,18	Sở TT&TT	
5.5	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc	5	5	Sở TT&TT	
5.6	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	10	6,04	Sở TT&TT	
5.7	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017	10	0	Sở TT&TT	

5.8	Số lượng các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	5	5	Sở TT&TT	
5.9	Số lượng các cuộc diễn tập được triển khai	5	1,67	Sở TT&TT	
5.10	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước	5	5	Sở TT&TT	
5.11	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	5	3,89	Sở TT&TT	
5.12	Tổng kinh phí chi cho ATTT	15	14,40	Sở TT&TT	Sở Tài chính

6. Chỉ số “Hoạt động Chính quyền số”

6	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (200)	Điểm năm 2022 (132,08)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
6.1	Cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	10	10	VP UBND tỉnh	
6.2	Triển khai cổng dữ liệu mở	5	5	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
6.3	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định	10	10	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.4	Triển khai kênh số khác (ngoài cổng TTĐT và cổng DVC) để cung cấp thông tin và DVCTT	5	5	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT

6.5	Triển khai kênh số khác (ngoài cổng TTĐT) phục vụ tương tác trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp	5	5	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.6	Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	5	5	Sở TT&TT	
6.7	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức tại Tỉnh	10	6	Sở TT&TT	
6.8	Tỷ lệ DVCTT mức độ 4 hoặc toàn trình	10	10	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.9	Tỷ lệ DVCTT được điền sẵn thông tin	10	10	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.10	Tỷ lệ DVCTT được cá thể hóa	10	0	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.11	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	10	10	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.12	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	20	12,47	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.13	Tỷ lệ tài khoản của người dân, doanh nghiệp có sử dụng DVCTT mức độ 3, 4 trong năm	5	5	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.14	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT	5	5	Trung tâm Phục vụ HCC	VP UBND tỉnh, Sở TT&TT
6.15	Triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung	10	0	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh

6.16	Triển khai nền tảng số quản trị tổng thể, thống nhất toàn Tỉnh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
6.17	Triển khai nền tảng họp trực tuyến đến các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh và đến từng thiết bị cá nhân	10	10	Sở TT&TT	
6.18	Triển khai nền tảng giám sát trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước	10	10	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
6.19	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	10	0	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
6.20	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức, viên chức	10	0	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
6.21	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số	10	0	Sở TT&TT	VP UBND tỉnh
6.22	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số	10	3,61	Sở Tài chính	Sở TT&TT

7. Chỉ số “Hoạt động kinh tế số”

7	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (150)	Điểm năm 2022 (88,86)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
7.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	20	8,28	Cục Thống kê	Các sở ban ngành cấp tỉnh

7.2	Số doanh nghiệp công nghệ số (Số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - CNTT)	20	7,92	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
7.3	Số lượng doanh nghiệp nền tảng số	10	2,14	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
7.4	Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, tham gia chương trình SMEdx	20	20	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	10	9,19	Sở TT&TT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	10	3,67	Sở Công Thương	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nộp thuế điện tử	10	7,85	Cục Thuế	
7.8	Số điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối internet băng rộng cố định	10	10	Sở TT&TT	Bưu điện tỉnh
7.9	Số lượng giao dịch trên sàn thương mại điện tử vô sò và Postmart	10	0,37	Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel	Sở TT&TT
7.10	Số lượng tên miền .vn	10	4,56	Sở TT&TT	VNNIC (Bộ TT&TT)
7.11	Tổng kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	10	7,95	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
7.12	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho kinh tế số	10	7,29	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê

8. Chỉ số “Hoạt động xã hội số”

8	Chỉ số đánh giá	Điểm tối đa (150)	Điểm năm 2022 (55,68)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8.1	Số lượng người dân có danh tính số/ tài khoản định danh điện tử	20	4,26	Công an tỉnh	Cục Thống kê
8.2	Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	20	20	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Thanh Hóa	Cục Thống kê, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa
8.3	Số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	20	0,19	Sở TT&TT	Cục Thống kê, Viễn thông Thanh Hóa, Viettel Thanh Hóa, Mobifone Thanh Hóa
8.4	Số lượng hộ gia đình có địa chỉ số (trên tổng số hộ gia đình)	20	0	Sở TT&TT	Cục Thống kê, Bưu điện tỉnh
8.5	Số lượng người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông	10	6,03	Sở TT&TT	Cục Thống kê, UBND cấp huyện
8.6	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	20	1,95	Sở Tài chính	Sở TT&TT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
8.7	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số	20	3,61	Sở Tài chính	Sở TT&TT, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê
8.8	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền	20	19,64	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện